

Bản án số 114/2025/DS-PT

Ngày 28 – 5 – 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo

Bà Trần Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28-5-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 233/2024/TLPT-DS ngày 18-12-2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 24-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2025/QĐ-PT ngày 25-3-2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thúy B**, sinh năm 1963; địa chỉ: Số F đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt) và ông Trần Trung H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số F đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1; Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: F L, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Thanh H2**, sinh năm 1977; địa chỉ: Số E đường H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1993 (vắng mặt) và bà Trịnh Thị Thanh H4, sinh năm 1992 (có mặt); cùng địa chỉ: Số A đường Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1974; địa chỉ: K đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

* *Người kháng cáo:* Bị đơn- bà Huỳnh Thị Thanh H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

**** Nguyên đơn - bà Hoàng Thúy B và người đại diện theo uỷ quyền trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:***

Bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H2 (tên gọi khác là P) có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Trong thời gian bà B và bà H2 quen biết nhau thì bà H2 có kể cho bà B nghe về việc Công ty TNHH Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) do bà H2 làm người đại diện theo pháp luật và bà H2 cũng là thành viên góp vốn của Công ty này đã ký thỏa thuận đặt cọc ngày 20-5-2021 với Công ty TNHH K - Chủ sử dụng tại thửa đất số 163, tờ bản đồ 04, đường B, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Thỏa thuận này nhằm mục đích để Công ty Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất này để đầu tư xây dựng Dự án công trình văn phòng kết hợp căn hộ D.

Trong quá trình đầu tư kinh doanh Dự án, bà H2 nhiều lần mượn tiền bà B và nhờ bà B bảo lãnh cho bà H2 vay các cá nhân khác để vay tiền đầu tư. Trong số các cá nhân bà H2 nhờ bà B bảo lãnh cho bà H2 vay tiền trong đó có bà Nguyễn Thị Bích C. Từ tháng 6-2021, bà H2 có nhờ bà B đứng ra bảo lãnh vay của bà Nguyễn Thị Bích C nhiều lần để làm ăn kinh doanh.

Thực tế giữa bà B, bà H2 và bà C có quan hệ vay mượn từ khoảng tháng 6-2021, đến ngày 29-01-2022, các bên chốt lại số tiền nợ như sau: bà H2 mượn bà C 33.233.000.000 đồng, bà Bích M của bà C 43.588.000.000 đồng; bà H2 đã trả được số tiền nợ gốc 288.000.000đ khoản vay của bà B nên các bên thống nhất lại tổng số tiền nợ bà C là 76.000.000.000 đồng, số tiền bà Bích M của bà C 43.300.000.000 đồng là bà B đưa lại cho bà H2 mượn.

Tại Bản cam kết trách nhiệm trả nợ khoản vay ngày 18-5-2022 bà H2 cam kết trả cho bà C tổng số tiền 76.000.000.000 (bằng chữ: bảy mươi sáu tỷ đồng) theo giấy vay nợ ngày 16-4-2022. Đến đầu năm 2022, nhiều lần bà B liên hệ bà H2 để trả tiền cho bà C nhưng bà H2 hứa hẹn và không trả, bà C liên tục yêu cầu bà B là người bảo lãnh khoản vay cho bà H2 phải trả nhưng tất cả số tiền bà B đứng ra mượn bà C thì bà H2 đã mượn hết và chưa trả bất cứ khoản nào.

Đến ngày 18-7-2022, bà Nguyễn Thị Bích C đã khởi kiện bà B ra Tòa án yêu cầu bà B trả nợ cho bà C số tiền nợ gốc 43.300.000.000 đồng, sau đó bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 20.000.000.000 đồng đã được giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 07-9-2023 của Tòa án nhân dân

quận Hải Châu và Bản án phúc thẩm số 69/2024/DS-PT ngày 25-3-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật buộc bà B phải trả số tiền nợ trên cho bà C.

Số tiền 43.300.000.000 đồng là B cho bà H2 mượn, bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt nhiều lần, còn việc bà B vay mượn của bà C là quan hệ khác đã được bà C đã khởi kiện bà B bằng giấy vay tiền ngày 16-4-2022 yêu cầu Tòa án buộc bà B phải trả cho bà C 23.300.000.000 đồng và đã được Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật.

Do đó bà B yêu cầu bà H2 trả cho bà B số tiền nợ bà B phải trả cho bà C do bà B bảo lãnh. Quá trình tố tụng trong vụ án bà C khởi kiện, bà H2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà B đã yêu cầu bà H2 trả khoản vay này cho bà C nhưng Tòa án hai cấp đều xác định nếu bà B có yêu cầu thì khởi kiện bà H2 bằng vụ án khác. Nay bà B yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Huỳnh Thị Thanh H2 trả nợ cho bà B theo Bản cam kết trách nhiệm trả nợ khoản vay ngày 18-5-2022 số tiền nợ gốc: là 43.300.000.000 đồng;

2. Buộc bà Huỳnh Thị Thanh H2 trả số tiền nợ lãi tính từ ngày 18-5-2022 đến ngày 23-9-2024 làm tròn thành 22 tháng với mức lãi suất 20%/năm: $43.300.000.000 \times 10\% \times 22 \text{ tháng} = 7.938.000.000$ đồng;

Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà B yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh H2 phải trả là: 51.238.000.000 đồng.

Số tiền này là tiền bà B cho bà H2 vay tiền từ tiền của bà C chứ không liên quan đến việc góp vốn vào các dự án khác và không liên quan đến các khoản nợ khác.

**** Bị đơn - bà Huỳnh Thị Thanh H2 và người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:***

Bà Huỳnh Thị Thanh H2 có quan hệ vay mượn với bà Hoàng Thúy B. Trong quá trình vay mượn bà H2 đã nhiều lần thanh toán cho bà B nhưng chưa xác định được số tiền đã thanh toán. Bà H2 xác nhận có vay tiền bà B, tuy nhiên số tiền cụ thể hiện nay bà H2 chưa chốt vì bà B cho bà H2 vay tiền nhiều lần, bằng phương thức chuyển khoản. Trong quá trình vay mượn của bà B, bà H2 đã thanh toán được một phần tiền gốc và lãi.

Giữa bà C, bà B và bà H2 có quan hệ vay mượn từ khoảng tháng 6-2021. Ngày 29-01-2022, giữa các bên chốt công nợ theo Giấy mượn tiền các bên xác định, bà H2 nợ bà C số tiền 33.233.000.000 đồng và bà C cho bà B mượn số tiền 43.588.000.000 đồng, tổng cộng 76.821.000.000 đồng. Bà H2 trả một phần tiền lãi là 5.000.000.000đ, bà C tính bà H2 trả lãi là 3.456.000.000 đồng và trừ số tiền bà B mượn là 821.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H2 và bà Bích mượn bà C là 76.000.000.000 đồng. Ngày 16-4-2022, các bên có lập Giấy vay tiền của bà C là 76.000.000.000 đồng.

Ngày 18-5-2022, bà H2 có lập Bản cam kết trách nhiệm trả khoản vay theo Giấy vay nợ ngày 16-4-2022.

Quá trình vay mượn giữa bà H2 và bà B thì bà H2 có ghi nhật ký theo Bảng tính tiền gốc và lãi chị B và Giấy mượn tiền là do bà H2 viết cụ thể về số tiền bà B và bà H2 mượn của bà C, bà H2 đã trả lãi cho bà C từ ngày 29-01-2022 đến 15-02-2022 là 3.456.000.000 đồng. Vậy còn là 76.000.000.000 đồng nên các bên chốt còn nợ bà C tổng số tiền 76.000.000.000 đồng, trong đó bà Bích M của bà C 43.300.000.000 đồng và bà H2 nợ 32.700.000.000 đồng. Không có việc bà B đứng ra bảo lãnh để bà H2 vay tiền của bà C số tiền trên.

Quan hệ vay mượn giữa bà C và bà B thì bà C đã khởi kiện bằng vụ án khác đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền này bà B cho vay mượn nhiều lần, bà H2 có cam kết trả cho bà C số tiền 76.000.000.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi), bà B không xác định được số tiền gốc là bao nhiêu và không cung cấp được các tài liệu giải ngân tiền cho bà H2, trường hợp giao tiền mặt thì bà B phải cung cấp giấy nhận tiền mặt. Trong tổng số khoản tiền 76.000.000.000đ nêu trên có số tiền mà bà C cho bà B vay và bà H2 vay lại tính cả gốc và lãi, trong Bản cam kết thì số tiền chốt nợ đến ngày 18-5-2022 là bao gồm cả gốc và lãi chứ không phải chỉ là tiền gốc. Nguồn gốc hình thành nên số tiền 43.300.000.000đ là tổng hợp của quá trình vay mượn giữa bà H2 và bà B trong một thời gian rất dài và lâu, số tiền giải ngân cho vay được thực hiện nhiều lần qua nhiều kỳ đáo hạn chứ không phải là cho vay một lần. Sau đó cho đến ngày 18-5-2022 thì hai bên mới cùng chốt lại bằng Bản cam kết, trong đó có nói rõ số tiền chốt bao gồm cả gốc và lãi. Tuy nhiên, trong quá trình bà H2 thực hiện trả tiền cho bà B thì bà B tính lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép, các lần trả tiền cho bà B bà H2 đều có ghi chép lại thành bảng thống kê (bảng này đã được bà B nộp cho Tòa án thì được xem là bà B đã đồng ý với các con số và liệt kê ở trong đây). Vì số tiền lãi mà bà H2 đã trả cho bà B vượt quá mức pháp luật cho phép, nên số tiền gốc lãi mà các bên chốt lại theo Bản cam kết ngày 18-5-2022 cần được tính toán lại theo Điều 468 Bộ Luật dân sự quy định mức lãi là 20%/năm.

Căn cứ theo Bảng thống kê, sao kê tài khoản ngân hàng và các tin nhắn trao đổi giữa các bên, bà H2 diễn giải về quá trình vay mượn và trả tiền với bà B như sau:

Bà B vay của bà C số tiền 20 tỷ đồng rồi cho bà H2 vay lại, các bên thỏa thuận lãi suất vay là 7,5%/tháng. Tuy nhiên khi giải ngân khoản 20 tỷ thì bà B đã trừ lãi trước 1 tháng (từ ngày 18/6/2021 đến 18/7/2021) là 1,5 tỷ đồng, số tiền giải ngân thực nhận là: 18,5 tỷ đồng, số tiền 20 tỷ đồng này được giải ngân vào ngày 18/6/2021 thành 07 lần từ tài khoản số 104869187362 – mở tại Ngân hàng V – CN Đ của bà Hoàng Thúy B đến tài khoản số 103000062655 mở tại Ngân hàng V – C1 của bà Hoàng Thị Thanh H5 (có sao kê đính kèm).

Ngày 18/6/2021 – 18/7/2021:

- + Số tiền gốc: 20.000.000.000 đồng
- + Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 1.500.000.000 đồng
- + Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 333.333.333 đồng

+ Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 1.166.666.667 đồng

+ Gốc còn lại: 18.833.333.333 đồng

Ngày 18/7/2021 – 18/8/2021:

+ Số tiền gốc: 18.833.333.333 đồng

+ Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 1.500.000.000 đồng

+ Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 313.888.889 đồng

+ Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 1.186.111.111 đồng

+ Gốc còn lại: 17.647.222.222 đồng

Ngày 18/8/2021 – 18/9/2021:

+ Số tiền gốc: 17.647.222.222 đồng

+ Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 1.500.000.000 đồng

+ Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 294.120.370 đồng

+ Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 1.205.879.630 đồng

+ Gốc còn lại: 16.441.342.593 đồng

Ngày 18/9/2021 – 18/10/2021:

+ Số tiền gốc: 16.441.342.593 đồng

+ Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 1.500.000.000 đồng

+ Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 274.022.377 đồng

+ Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 1.225.977.623 đồng

+ Gốc còn lại: 15.215.364.969 đồng

Ngày 18/10/2021 – 18/11/2021:

+ Số tiền gốc: 15.215.364.969 đồng

+ Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 1.500.000.000 đồng

+ Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 253.589.416 đồng

+ Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 1.246.410.584 đồng

+ Gốc còn lại: 13.968.954.385 đồng

Ngày 18/11/2021 – 18/12/2021:

+ Số tiền gốc: 13.968.954.385 đồng

+ Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 1.500.000.000 đồng

+ Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 232.815.906 đồng

+ Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 1.267.184.094 đồng

+ Gốc còn lại: 12.701.770.292 đồng

Ngày 18/12/2021 – 18/1/2021:

- + Số tiền gốc: 12.701.770.292 đồng
- + Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 1.500.000.000 đồng
- + Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 211.696.172 đồng
- + Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 1.288.303.828 đồng
- + Gốc còn lại: 11.413.466.464 đồng

Tổng cộng số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 10.500.000.000đ. Tổng cộng số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 8.586.533.537đ.

Như vậy, với món vay 20 tỷ đồng nợ gốc thì bà H5 đã trả được 10,5 tỷ đồng, số tiền này trước đây do tính theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 7,5%/tháng nhưng theo quy định thì chỉ phải trả 20%/năm. Do đó phần lãi trả vượt được trừ vào gốc là 8.586.533.537đ.

Bà B vay của bà C số tiền 10 tỷ đồng và cho bà H5 vay lại, các bên thỏa thuận lãi suất vay là 7,5%/tháng. Số tiền vay 10 tỷ đồng này đã được trả lãi cho bà B 06 kỳ, mỗi kỳ 1 tháng (30 ngày) tương ứng là 750 triệu đồng, tổng cộng tiền lãi bà H5 đã trả là 4,5 tỷ đồng, các lần trả lãi có sao kê cụ thể như sau:

Ngày 18/7/2021 – 18/8/2021:

- + Số tiền gốc: 10.000.000.000 đồng
- + Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 750.000.000 đồng
- + Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 166.666.667 đồng
- + Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 583.333.333 đồng
- + Gốc còn lại: 9.416.666.667 đồng

Ngày 18/8/2021 – 18/9/2021:

- + Số tiền gốc: 9.416.666.667 đồng
- + Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 750.000.000 đồng
- + Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 156.944.444 đồng
- + Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 593.055.556 đồng
- + Gốc còn lại: 8.823.611.111 đồng

Ngày 18/9/2021 – 18/10/2021:

- + Số tiền gốc: 8.823.611.111 đồng
- + Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 750.000.000 đồng
- + Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 147.060.185 đồng
- + Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 602.939.815 đồng
- + Gốc còn lại: 8.220.671.296 đồng

Ngày 18/10/2021 – 18/11/2021:

- + Số tiền gốc: 8.220.671.296 đồng

- + Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 750.000.000 đồng
- + Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 137.011.188 đồng
- + Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 612.988.812 đồng
- + Gốc còn lại: 7.607.682.485 đồng

Ngày 18/11/2021 – 18/12/2021:

- + Số tiền gốc: 7.607.682.485 đồng
- + Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 750.000.000 đồng
- + Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 126.794.708 đồng
- + Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 623.205.292 đồng
- + Gốc còn lại: 6.984.477.193 đồng

Ngày 18/12/2021 – 18/1/2021:

- + Số tiền gốc: 6.984.477.193 đồng
- + Số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 750.000.000 đồng
- + Số tiền lãi theo quy định (20%/năm): 116.407.953 đồng
- + Số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 633.592.047 đồng
- + Gốc còn lại: 6.350.885.146 đồng

Tổng cộng số tiền lãi đã trả (theo mức lãi suất 7,5%/tháng): 4.500.000.000đ. Tổng cộng số tiền trả vượt được trừ vào gốc: 3.649.114.854đ.

Như vậy, với món vay 10 tỷ đồng nợ gốc thì bà H5 đã trả được 4,5 tỷ, số tiền này trước đây do tính lãi suất các bên thoả thuận là 7,5%/tháng nhưng theo quy định thì bà H5 chỉ phải trả 20%/năm. Do đó phần lãi trả vượt được trừ vào gốc là 3.649.114.854 đồng.

Trong Bản cam kết ngày 18-5-2022 có ghi số tiền là 76.000.000.000 đồng đính kèm theo Giấy vay nợ ngày 16-4-2022 cũng thể hiện số tiền là 76.000.000.000 đồng và Giấy mượn tiền không đề ngày tháng có ghi tổng số tiền còn lại là 76.000.000.000 đồng. Theo đó, số tiền mà các bên thoả thuận bà H5 còn nợ bà B là 43.300.000.000 đồng chứ không phải là 43.588.000.000 đồng. Số tiền 43.300.000.000 đồng cũng trùng khớp với số tiền mà Bà C đã khởi kiện bà B trong vụ án số 179/2022/TLST-DS ngày 26-7-2022 và các tin nhắn trao đổi giữa bà B và bà H5. Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên số tiền các bên chốt lại với nhau theo Bản cam kết và các Giấy mượn tiền là bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi đã cộng dồn từ trước, mà trong quá trình trả nợ bà H5 đã trả tiền lãi theo mức lãi suất vượt quá mức pháp luật cho phép (như đã tính toán liệt kê ở trên), do đó số tiền mà các bên chốt lại 43,300.000.000 đồng là chưa chính xác.

Bà H5 đề nghị được tính lại trừ đi số tiền đã trả lãi vượt để được khấu trừ vào tiền gốc như sau: $43.300.000.000 - 8.586.533.537 - 3.649.114.854 = 31.064.351.609$ đồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích C trình bày trong quá trình tố tụng:***

Giữa bà C, bà Nguyễn Thúy B1 và bà Huỳnh Thị Thanh H2 có quan hệ vay mượn từ khoảng tháng 6-2021. Ngày 29-01-2022, giữa các bên chốt công nợ theo Giấy mượn tiền các bên xác định, bà C cho bà H2 mượn số tiền 33.233.000.000 đồng và bà C cho bà B1 mượn số tiền 43.588.000.000 đồng, tổng cộng 76.821.000.000 đồng, bà H2 thanh toán tiền lãi 821.000.000 đồng nên các bên chốt lại công nợ còn nợ bà C tổng số tiền 76.000.000.000 đồng, trong đó bà Bích M của bà C 43.300.000.000 đồng và bà H2 mượn 32.700.000.000 đồng. Còn việc bà B1 cho bà H2 vay mượn như thế nào, số tiền bao nhiêu vào thời gian nào thì bà C không biết và không liên quan gì. Không có việc bà B1 đứng ra bảo lãnh để bà H2 vay tiền của bà C số tiền trên.

Đến ngày 16-4-2022, các bên chốt công nợ và có lập Giấy mượn tiền với nội dung bà C cho bà B1 và bà H2 vay tổng số tiền 76.000.000.000 đồng, trong đó bà Bích M của bà C 43.300.000.000 đồng và bà H2 mượn 32.700.000.000 đồng.

Quan hệ vay mượn giữa bà C và bà B1 thì bà C đã khởi kiện bằng vụ án khác đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

**** Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 24-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thúy B đối với bà Huỳnh Thị Thanh H2.

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh H2 có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thúy B số tiền là 51.238.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 43.300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18-5-2022 đến ngày 23-9-2024 làm tròn 22 tháng, với mức lãi suất là 10%/năm là 7.938.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 159.238.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Kháng cáo:*

Ngày 30-9-2024, bà Huỳnh Thị Thanh H2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm do chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thanh H2 do không có căn cứ; đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 24-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Xét Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thanh H2:

[2.1] Ngày 16-4-2022, giữa bên cho vay bà Nguyễn Thị Bích C với bên vay là bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H2 có lập Giấy vay nợ với số tiền 76.000.000.000 đồng.

Sau đó, bà Huỳnh Thị Thanh H2 viết Bản cam kết ngày 18-5-2022 gửi cho bà Hoàng Thúy B, có nội dung: Theo Giấy vay nợ ngày 16-4-2022 (có đính kèm theo bản cam kết này), bản thân tôi Huỳnh Thị Thanh H2 có đứng ra vay mượn của bà Nguyễn Thị Bích C số tiền là 76.000.000.000đ ... Toàn bộ số tiền này được tôi nhận để sử dụng vào mục đích mua lô đất...

Bản cam kết này do chính bà Huỳnh Thị Thanh H2 lập, nhằm ghi nhận lại sự kiện sau khi bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H2 vay tiền của bà Nguyễn Thị Bích C từ ngày 16-4-2022. Văn bản này thể hiện bà H2 đã nhận tiền vay để sử dụng vào mục đích mua đất. Do vậy, kháng cáo của phía bà H2 yêu cầu chứng minh về phương thức giải ngân tiền vay là không cần thiết.

[2.2] Tại Giấy vay nợ ngày 16-4-2022 thì bà Nguyễn Thị Bích C cho bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H2 vay chung số tiền 76.000.000.000 đồng nhưng không phân định rõ ràng bà B và bà H2 mỗi người vay của bà C số

tiền bao nhiêu. Trên cơ sở Giấy vay nợ này, bà C đã khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền gốc 43.300.000.000 đồng, nhưng bà C đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000.000 đồng để giải quyết tại Cơ quan CSĐT Công an quận H nên chỉ còn yêu cầu bà B trả số tiền nợ gốc 23.300.000.000 đồng. Vụ án này đã được giải quyết tại bản án phúc thẩm số 69/2024/DS-PT ngày 25-3-2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng, án đã có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, tại vụ án này, Toà án cấp sơ thẩm lập Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01-7-2025 đối với bà Nguyễn Thị Bích C thì có nội dung: Đến ngày 16-4-2022, các bên chốt công nợ và có lập Giấy mượn tiền với nội dung bà C cho bà B và bà H2 vay tổng số tiền 76.000.000.000 đồng, trong đó, bà Bích M của bà C 43.300.000.000 đồng và bà H2 mượn 32.700.000.000 đồng.

Do vậy, có cơ sở để xác định bà Hoàng Thúy B có vay của bà Nguyễn Thị Bích C số tiền 43.300.000.000 đồng trong tổng số tiền mà bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H2 vay chung 76.000.000.000 đồng của bà C.

Nay là Hoàng Thúy B căn cứ vào Bản cam kết ngày 18-5-2022 với nội dung bà Huỳnh Thị Thanh H2 xác nhận lại toàn bộ khoản nợ vay chung số tiền 76.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Bích C là thuộc trách nhiệm của bà H2 để khởi kiện yêu cầu bà H2 trả 43.300.000.000 đồng là phù hợp với chuỗi tình tiết, sự kiện có tại hồ sơ vụ án.

[2.3] Bà Hoàng Thúy B khởi kiện yêu cầu trả 43.300.000.000 đồng là tiền nợ gốc còn bà Huỳnh Thị Thanh H2 phản đối vì số tiền này bao gồm cả gốc và lãi. Hội đồng xét xử phúc thẩm yêu cầu bà H2 xác định số tiền nợ gốc cụ thể là bao nhiêu để có căn cứ xem xét thì người đại diện theo uỷ quyền của bà H2 không trình bày được vì cho rằng giữa bà B với bà H2 có nhiều quan hệ vay mượn, góp vốn.

Xét các tài liệu phía bà Huỳnh Thị Thanh H2 đưa ra để yêu cầu Toà án xem xét trừ số tiền đã trả vào 43.300.000.000 đồng thì thấy các chứng từ sao kê tại các Ngân hàng là trong khoản thời gian từ ngày 18-6-2021 đến ngày 18-01-2022, trong khi đó Bản cam kết lập ngày 18-5-2022 là sau thời gian của các giao dịch chuyển khoản nói trên. Đồng thời, nội dung tại các tài liệu sao kê này đều chỉ ghi “Huỳnh Thị Thanh H2 chuyển tiền” nhưng không ghi cụ thể chuyển tiền vào mục đích gì.

Tại bảng tổng hợp diễn giải mà bà Huỳnh Thị Thanh H2 gửi cho bà Hoàng Thúy B, được bà B nộp cho Toà án thể hiện giữa bà B và bà H2 chuyển tiền qua lại liên quan đến nhiều khoản vay trực tiếp, vay dùm cho bà N, ông Bình T, chuyển tiền của dự án đường C, đường B,... Như vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử khấu trừ số tiền mà bà H2 đã chuyển khoản cho bà B là về tiền lãi hay gốc của khoản nợ 43.300.000.000 đồng trong vụ án này hay là của các giao dịch khác giữa bà B và bà H2.

[3] Từ những đánh giá trên thì thấy các nội dung kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thanh H2 là không có cơ sở để được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thúy B;

buộc bà Huỳnh Thị Thanh H2 có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thúy B số tiền là 51.238.000.000 đồng gồm 43.300.000.000 đồng tiền gốc và 7.938.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 18-5-2022 đến ngày 23-9-2024 là phù hợp pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gì để phải xem xét huỷ bản án; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm bà Huỳnh Thị Thanh H2 phải chịu do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308, các Điều 311, 312, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thanh H2;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 24-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thúy B đối với bà Huỳnh Thị Thanh H2.

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh H2 có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thúy B số tiền là 51.238.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu đồng), trong đó tiền gốc là 43.300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18-5-2022 đến ngày 23-9-2024 làm tròn 22 tháng, với mức lãi suất là 10%/năm là 7.938.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 159.238.000 đồng.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Thanh H2 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu số 0004513 ngày 11-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Hải Châu, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai